PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 9
ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyển: T. Thuê
Lưu hồ sơ số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/TB-ĐHSG-ĐTSĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2017

VP.HĐND - UBND Q.9
ĐẾN Số: 87
Ngày: 16/01/17
Chuyển: Mr. Cường

KC: phòng GD-ĐT
17/01

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 17.1 NĂM 2017

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 17.1 năm 2017 như sau:

1. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Chuyên ngành	Mã số	TT	Chuyên ngành	Mã số
1	Quản lý giáo dục	60140114	6	Hóa hữu cơ	60440114
2	Tài chính – Ngân hàng	60340201	7	Lịch sử Việt Nam	60220313
3	Quản trị kinh doanh	60340102	8	Ngôn ngữ học	60220240
4	Toán giải tích	60460102	9	Văn học Việt Nam	60220121
5	LL&PPDH bộ môn Toán	60140111	10	Khoa học máy tính	60480101

Ghi chú: Chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý dự kiến sẽ tuyển sinh vào khóa 17.2 năm 2017.

2. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

2.1. Thời gian đào tạo: 02 năm

2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Về văn bằng

Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và hoàn thành học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn;

c. Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi (chỉ áp dụng cho chuyên ngành Quản lý giáo dục và chuyên ngành Quản trị kinh doanh) và hoàn thành học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản sao văn bằng có công chứng (có bản gốc để đối chiếu).

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: http://cnvb.deta.edu.vn/).

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn (riêng chuyên ngành Quản lý giáo dục sẽ nêu ở Mục 3.4)

Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần (với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi); Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn. Riêng trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần, đạt loại khá trở lên được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

3.3. Điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khoẻ để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

3.4. Kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục

3.4.1. Đối với người dự thi tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục đạt loại khá trở lên: Được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

3.4.2. Đối với người dự thi tốt nghiệp đại học không thuộc mục 3.4.1:

- Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành Quản lý giáo dục phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi); Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản lý giáo dục phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác.
- Đối tượng dự thi: Người dự thi phải làm việc hoặc được quy hoạch một trong các vị trí công tác sau đây: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn (có quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản quy hoạch) các trường từ mầm non trở lên; cán bộ quản lý công tác Đảng trong các cơ sở giáo dục đào tạo; cán bộ quản lý và chuyên viên (làm công tác quản lý giáo dục) của các tổ chức chính trị - xã hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, quận/huyện, sở/phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.
- Công văn cử cán bộ đi thi trong hồ sơ đăng ký dự thi phải có xác nhận về vị trí công tác hoặc vị trí quy hoạch.

4. DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

4.1. Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi

STT	Chuyên ngành dự thi	Ngành đúng, ngành phù hợp	Ngành gần
1	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	- Giáo dục học; - Ngành Sư phạm (các ngành đào tạo giáo viên trung học, tiểu học, mầm non).
2	Tài chính – Ngân hàng	Các ngành Tài chính, Ngân hàng	Tất cả các ngành khác thuộc khối Kinh tế mà bằng tốt nghiệp đại học là Cử nhân Kinh tế.
3	Quản trị kinh doanh	Các ngành về Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng.
4	Toán giải tích	- Toán học - Sư phạm Toán học	Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Sư phạm Toán tin, Toán kinh tế, Toán thống kê.
5	LL&PPDH bộ môn Toán	- Sư phạm Toán học - Toán học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Toán học, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Toán kinh tế, Toán thống kê.
6	Hóa hữu cơ	- Hóa học - Sư phạm Hóa học	Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ hóa học, Kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Hóa sinh.
7	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử - Sư phạm Lịch sử	Châu Á học, Quốc tế học, Bảo tàng học, Đông Phương học, Nhân học, Việt Nam học.
8	Ngôn ngữ học	- Ngôn ngữ học - Ngữ văn - Sư phạm Ngữ văn - Hán – Nôm	- Việt Nam học, Văn học, Văn hóa học, Báo chí, Đông Phương học, Đông Nam Á học; - Các ngành Sư phạm tiếng Anh/Pháp/Trung/ Nga/Đức/Nhật; - Các ngành Ngôn ngữ Anh/Pháp/Trung/Nga/ Đức/Nhật.
9	Văn học Việt Nam	- Sư phạm Ngữ văn - Văn học - Sáng tác Văn học - Việt Nam học	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn hóa học.
10	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Sư phạm Tin, Toán tin ứng dụng (Toán ứng dụng).

4.2. Các học phần bổ sung kiến thức

4.2.1. Áp dụng cho các ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục	Quản lý hoạt động giáo dục, dạy học trong nhà trường	03
		Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục	03
2	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính tiền tệ	03
		Tài chính doanh nghiệp	03

		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	03
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp	03
		Quản trị chiến lược	02
		Quản trị nguồn nhân lực	02
4	Toán giải tích	Topo	03
		Giải tích hàm	03
5	LL&PPDH bộ môn Toán	Lý luận dạy học	03
		Phương pháp dạy học Toán	03
6	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ 1	03
		Hóa hữu cơ 2	03
		Các phương pháp hóa lý trong phân tích hữu cơ	03
7	Lịch sử Việt Nam	Những vấn đề Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	03
		Việt Nam trong tiến trình lịch sử cận hiện đại, hội nhập và phát triển	03
		Chế độ ruộng đất Việt Nam trong lịch sử	03
8	Ngôn ngữ học	Cơ sở ngôn ngữ học	02
		Ngữ âm học tiếng Việt	02
		Từ vựng học tiếng Việt	02
		Ngữ pháp học tiếng Việt	02
		Phong cách học tiếng Việt	02
9	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII	02
		Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX	02
		Văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1945	02
		Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975	02
		Lý luận văn học (Nguyên lý lý luận văn học, Tác phẩm văn học)	02
		Chủ nghĩa nhân văn trong văn học	02
10	Khoa học máy tính	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	03
		Cơ sở dữ liệu	03
		Cơ sở trí tuệ nhân tạo	03
		Lý thuyết đồ thị	03

4.2.2. Áp dụng cho các ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục	Tâm lý học đại cương	02
		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	03
		Giáo dục học đại cương	02
		Quản lý hoạt động giáo dục, dạy học trong nhà trường	03
		Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục	03
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản	02
		Kinh tế vĩ mô	02
		Kinh tế vĩ mô	02
		Marketing căn bản	02
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	02
		Lý thuyết xác suất thống kê	02
		Quản trị doanh nghiệp	03

		Quản trị chiến lược	02
		Quản trị nguồn nhân lực	02

Ghi chú: Nếu có học phần thuộc danh sách các học phần bổ sung kiến thức mà người dự thi đã học ở bậc đại học và có số tín chỉ phù hợp thì người dự thi nộp bản sao bảng điểm có công chứng để Nhà trường xem xét miễn học khi đăng ký học bổ sung kiến thức.

5. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

Thí sinh thi 3 môn (thi viết).

5.1. Môn cơ bản và môn cơ sở (thời gian thi: 180 phút)

STT	Chuyên ngành	Môn thi tuyển sinh	
		Môn cơ bản	**Môn cơ sở**
1	Quản lý giáo dục	Lôgic học	Giáo dục học đại cương
2	Tài chính – Ngân hàng	Toán kinh tế	Kinh tế học
3	Quản trị kinh doanh		
4	Toán giải tích	Đại số	Giải tích
5	LL&PPDH bộ môn Toán		
6	Hóa hữu cơ	Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ
7	Lịch sử Việt Nam	Triết học	Lịch sử Việt Nam
8	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ học đại cương
9	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Lịch sử văn học Việt Nam
10	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở

5.2. Môn ngoại ngữ

5.2.1. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh (trình độ B, nội dung thi theo quy định hiện hành, thời gian thi: 120 phút).

5.2.2. Miễn thi đầu vào môn ngoại ngữ:

a. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ thuộc một trong các trường hợp sau đây sẽ được xem xét để miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (theo Bảng tham chiếu khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam dưới đây) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP	450	PET	Preliminary	40	B1

		133 CBT 45 iBT					

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

b. Hồ sơ xin miễn thi môn ngoại ngữ:

- Đơn xin miễn thi môn ngoại ngữ (mẫu có tại Phòng Đào tạo Sau đại học), bản sao có công chứng các minh chứng liên quan (có bản gốc đối chiếu khi nộp đơn).

- Thời hạn nộp hồ sơ xin miễn thi môn ngoại ngữ: đến hết ngày 26/4/2017.

Danh sách thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ sẽ được thông báo tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học trước khi tổ chức ôn thi.

6. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ MỨC ƯU TIÊN

6.1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác liên tục 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự thi phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

f. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

6.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng mười điểm vào kết quả thi môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm cho môn thi cơ bản (thang điểm 10).

6.3. Hồ sơ xét đối tượng ưu tiên

- Đơn xin xét đối tượng ưu tiên (mẫu có tại Phòng Đào tạo Sau đại học), kèm văn bản minh chứng liên quan.

- Thời hạn nộp hồ sơ xét đối tượng ưu tiên: đến hết ngày 03/5/2017.

Danh sách thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên sẽ được thông báo tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học trước khi tổ chức thi tuyển sinh.

7. LỆ PHÍ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN THI VÀ THI TUYỂN SINH

- Hồ sơ tuyển sinh: 120.000đ/1 hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký thi và lệ phí thi: 420.000đ/1 thí sinh;
- Lệ phí ôn thi: 1.200.000đ/1 môn thi;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: 230.000đ/1 tín chỉ.

8. THỜI GIAN PHÁT/NHẬN HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN THI VÀ THI TUYỂN SINH

8.1. Phát và nhận hồ sơ đăng ký dự thi

- Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 03/5/2017 (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).
- Địa điểm: Phòng Đào tạo Sau đại học (D003), Trường Đại học Sài Gòn.

8.2. Học bổ sung kiến thức

- Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh:
  Thời hạn đăng ký: đến hết ngày 15/02/2017;
  Thời gian học: từ 20/02/2017 đến 16/4/2017 (học ngoài giờ hành chính).
- Đối với các chuyên ngành còn lại:
  Thời hạn đăng ký: đến hết ngày 01/3/2017;
  Thời gian học: từ 06/3/2017 đến 16/4/2017 (học ngoài giờ hành chính).
- Các lớp bổ sung kiến thức được tổ chức khi đủ số lượng thí sinh đăng ký. Lịch học cụ thể từng học phần sẽ được thông báo tại bảng tin và trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

8.3. Ôn thi tuyển sinh

- Thời hạn đăng ký ôn thi: đến hết ngày 03/5/2017;
- Thời gian ôn thi: 08/5/2017 đến 28/5/2017 (học ngoài giờ hành chính);
- Các lớp ôn thi tuyển sinh được tổ chức khi có đủ số lượng thí sinh đăng ký. Lịch ôn thi sẽ được thông báo tại bảng tin và trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

8.4. Tổ chức thi tuyển sinh

Dự kiến các ngày 02, 03, 04 tháng 6 năm 2017.

8.5. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh

Dự kiến tháng 6 năm 2017.

8.6. Thời gian khai giảng khóa học

Dự kiến đầu tháng 7 năm 2017.

9. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ HỒ SƠ DỰ THI

9.1 Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức:

Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức bao gồm:

1. Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (theo mẫu của Trường Đại học Sài Gòn);
2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng, bảng điểm đại học có công chứng.

9.2. Hồ sơ đăng ký dự thi:

Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu), trong đó cần ghi rõ các thông tin và có ý kiến của cơ quan cử đi học (nếu thí sinh thuộc diện được cơ quan cử đi học);

2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;

3. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng, bảng điểm đại học có công chứng;

4. Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do Bệnh viện đa khoa cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

6. Công văn cử cán bộ đi thi (theo mẫu) có xác nhận của thủ trưởng cơ quan công tác (nếu thí sinh thuộc diện được cử đi học);

7. Bản sao có công chứng các minh chứng liên quan đến kinh nghiệm công tác (quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động hoặc các văn bản để chứng nhận thời gian, kinh nghiệm công tác chuyên môn trong lĩnh vực đăng ký dự thi);

8. Hồ sơ miễn thi môn ngoại ngữ và xét đối tượng ưu tiên (nếu có nguyện vọng);

9. Hai phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của thí sinh;

10. Bốn ảnh màu cỡ 3 x 4 cm chụp không quá 03 tháng, có ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi ở phía sau ảnh.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo Sau đại học (phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn

Số 273 An Dương Vương, P.3, Q.5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38.303.108; **Website: http://dtsdh.sgu.edu.vn**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

Nơi nhận:
- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Trung tâm CNTT (để đăng tải trên website);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP.